

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 05/2022/DS-ST

Ngày 18-4-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Xuân Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Chiến;

Ông Đỗ Anh Đại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại Phòng xét xử số 2, trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 08/2022/TB-TA ngày 24 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phùng Thị Lan A. Địa chỉ: Số 10/8, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty cổ phần P. Địa chỉ trụ sở chính: Lô PG1-09 V Shophouse, số 2A, đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ văn phòng: Số 126, đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Mạnh H, Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 126, đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi ở hiện nay: S105.1915 V Smart City, T, quận N, Tp Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Bạch T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 24, phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở: Khu đô thị

N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 31-10-2021).
Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hoàng Bạch T. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 24, phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở: Khu đô thị N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Ông Lèo Đức Q. Địa chỉ: Số 151, đường 3/2, tổ 1, khối 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Hoài N và bà Đào Thị T. Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 27, phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Tòa S105.0309 V Smart City, T, quận N, Tp Hà Nội. Điều vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Đặng Thị H, địa chỉ: Số 10, ngách 1, ngõ 1, đường N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phùng Thị Lan A trình bày: Qua bạn bè bà có quen biết với bà Đào Thị T là nhân viên của Công ty cổ phần P (gọi tắt là Công ty P) và là vợ của ông Nguyễn Hoài N (Phó tổng giám đốc công ty), do bà Đào Thị T nói Công ty P cần tiền kinh doanh và đáo hạn khoản nợ ngân hàng muốn hỏi vay tiền. Do vậy, qua bà Đào Thị T bà có cho Công ty P vay tiền hai lần: Lần 1 vào ngày 19-11-2020 cho ông Lèo Đức Q là Phó Tổng giám đốc Công ty P vay 900.000.000 đồng, sau khi bà chuyển vào tài khoản của ông Lèo Đức Q 900.000.000 đồng, thì lập giấy vay ngày 19-11-2020 mục đích vay để phục vụ hoạt động của công ty, hẹn 6 đến 10 ngày trả. Lần 2 vào ngày 24-11-2020 cho ông Tô Mạnh H là Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty P vay 1.400.000.000 đồng, có lập giấy vay tiền ghi mục đích vay để đáo hạn ngân hàng sau 10 ngày sẽ trả. Tổng cộng 2 khoản vay là 2.300.000.000 đồng.

Nhưng sau khi vay được tiền Công ty P không trả theo thỏa thuận. Bà phải đòi nhiều lần thì tháng 12-2020 trả được 400.000.000 đồng. Bà Phùng Thị Lan A tiếp tục yêu cầu trả nợ thì Công ty P lấy lý do khó khăn, khát nợ và ngày 13-01-2021 bà cùng ông Tô Mạnh H, Chủ tịch hội đồng quản trị; ông Nguyễn Hoài N, ông Hoàng Bạch T, ông Lèo Đức Q đều là Phó Tổng giám đốc Công ty P ký giấy cam kết hiện còn nợ 1.900.000.000 đồng hẹn sau 15 ngày kể từ ngày 13-01-2021 sẽ trả đầy đủ.

Ngoài ra, khi bà Phùng Thị Lan A thúc giục đòi tiền ông Lèo Đức Q nhiều lần, thì trước ngày viết giấy cam kết ngày 13-01-2021 khi xác định còn nợ tổng số tiền nợ là 1.900.000.000 đồng, ngày 18-12-2020 ông Lèo Đức Q đã trả bằng tiền mặt cho bà 200.000.000 đồng. Do vậy, bà Phùng Thị Lan A khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty P trả nợ gốc là 1.700.000.000 đồng. Về trả tiền lãi, sau nhiều lần đòi tiền thì tháng 01-2021 và tháng 4-2021 trả được tổng số tiền lãi là 40.000.000 đồng. Nay yêu cầu Công ty P trả gốc là

1.700.000.000 đồng; về tính lãi, tuy không ghi trong giấy vay nợ nhưng có thỏa thuận miệng phải trả lãi, nên yêu cầu trả lãi số tiền 153.533.100 đồng tính đến ngày làm đơn khởi kiện.

Bị đơn Công ty P, người đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Bạch T, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản khai, lời trình bày tại phiên hòa giải của ông Hoàng Bạch T, đại diện cho ông Tô Mạnh H thể hiện: Ông Tô Mạnh H, là Chủ tịch hội đồng quản trị có vay 1.400.000.000 đồng của bà Phùng Thị Lan A theo giấy vay tiền ngày 24-11-2020 và bà Phùng Thị Lan A đã chuyển số tiền này vào tài khoản của công ty để phục vụ hoạt động của công ty. Đối với khoản vay 900.000.000 đồng của ông Lèo Đức Q ký giấy vay và nhận tiền với bà Phùng Thị Lan A như thế nào công ty không biết. Sau khi vay tiền của bà Phùng Thị Lan A, do công ty đang khó khăn bởi dịch bệnh Covid 19 nên chưa trả được, nhưng bà Phùng Thị Lan A đòi nhiều lần, nên ngày 13-01-2021 tại trụ sở công ty ông Tô Mạnh H, ông Lèo Đức Q, ông Nguyễn Hoài N, ông Hoàng Bạch T đã ký vào giấy cam kết ngày 13-01-2021 nhận nợ, lúc đó công ty mới biết ông Lèo Đức Q có vay bà Phùng Thị Lan A 900.000.000 đồng, vì là vấn đề nội bộ của công ty nên thống nhất gộp cả hai khoản vay 1.400.000.000 đồng và 900.000.000 đồng, xác định đã trả 400.000.000 đồng, nên còn nợ gốc là 1.900.000.000 đồng. Tuy nhiên khoản vay của ông Lèo Đức Q nếu chứng minh được số tiền vay 900.000.000 đồng đã chuyển khoản vào tài khoản công ty và để phục vụ cho hoạt động của công ty thì công ty sẽ có trách nhiệm trả cho bà Phùng Thị Lan A.

Về việc trả nợ, đối với khoản vay 1.400.000.000 đồng, đến nay đã trả gốc bằng chuyển khoản cho bà Phùng Thị Lan A được 440.000.000 đồng, nay chỉ còn nợ gốc là 960.000.000 đồng. Công ty P sẽ có trách nhiệm trả đủ cho nguyên đơn; còn số tiền vay 900.000.000 đồng ông Lèo Đức Q vay nguyên đơn, tại phiên hòa giải ngày 23-12-2021 công ty mới biết ông Lèo Đức Q tự trả cho bà Phùng Thị Lan A số tiền 200.000.000 đồng, nên xác định ông Lèo Đức Q vay riêng của nguyên đơn, công ty không liên quan, nên ông Lèo Đức Q có trách nhiệm trả cho bà Phùng Thị Lan A. Trừ trường hợp ông Lèo Đức Q chứng minh là vay và chuyển khoản cho công ty để xử lý công việc của công ty thì công ty có trách nhiệm trả nợ như yêu cầu của nguyên đơn.

Về việc trả lãi suất, khi vay số tiền 1.400.000.000 đồng không thỏa thuận về lãi suất. Còn số tiền vay 900.000.000 đồng ông Lèo Đức Q vay với bà Phùng Thị Lan A có thỏa thuận lãi suất như thế nào hay không thì công ty không biết, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoài N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai, phiên hòa giải trình bày: Cuối năm 2018 trở về trước ông là Phó Tổng giám đốc của Công ty P, nay ông không giữ chức vụ gì trong công ty mà chỉ là cổ đông của Công ty cổ phần P. Về số tiền ông Tô Mạnh H vay 1.400.000.000 đồng, tại thời điểm vay tiền tháng 11-2020 ông Tô Mạnh H là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty P. Tuy nhiên việc vay mượn tiền thế nào ông không nắm được. Sau đó, đến ngày 13-01-2021 tại văn

phòng công ty khi ký giấy cam kết xác nhận nợ đối với bà Phùng Thị Lan A ông mới biết ông Tô Mạnh H vay 1.400.000.000 đồng của bà Phùng Thị Lan A để phục vụ các hoạt động của công ty; còn khoản vay 900.000.000 đồng ông Lèo Đức Q vay nợ thế nào ông cũng không biết. Nhưng theo ý kiến của ông Tô Mạnh H là ký xác nhận Công ty P còn nợ bà Phùng Thị Lan A số tiền 1.900.000.000 đồng để thống nhất trong nội bộ, tiện theo dõi khoản vay của công ty, nên ông đã ký.

Về khoản vay 900.000.000 đồng của ông Lèo Đức Q ông cũng đồng ý với ông Tô Mạnh H, ông Hoàng Bạch T nếu ông Lèo Đức Q và bà Phùng Thị Lan A chứng minh được là vay tiền cho công ty thì cũng đồng ý trả, còn không thì ông Lèo Đức Q tự có trách nhiệm trả nợ bà Phùng Thị Lan A. Nay ông chỉ là cổ đông của công ty, không tham gia điều hành gì, ông sẽ có trách nhiệm với công ty trả các khoản nợ, tiền lãi nếu có cho bà Phùng Thị Lan A.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai, tại phiên hòa giải trình bày: Bà Đào Thị T là vợ của ông Nguyễn Hoài N là Phó Tổng giám đốc công ty P, từ năm 2016 đến cuối năm 2017 thì bà là nhân viên của công ty, hiện nay bà không còn làm tại công ty nữa. Do bà có quen biết bà Phùng Thị Lan A là người cho vay tiền, nên đã cho số điện thoại để ông Tô Mạnh H liên lạc; sau đó bà có biết ông Tô Mạnh H vay 1.400.000.000 đồng của bà Phùng Thị Lan A để phục vụ kinh doanh của công ty, còn cụ thể vay, nhận tiền và thỏa thuận lãi thế nào bà không biết. Đối với khoản vay 900.000.000 đồng của ông Lèo Đức Q bà không biết. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Lan A, bà không có ý kiến và liên quan gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lèo Đức Q vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai trình bày: Thời điểm vay tiền ông là Phó Tổng giám đốc công ty; còn ông Tô Mạnh H là Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Qua bà Đào Thị T là kế toán công ty và ông Tô Mạnh H giới thiệu và nói ông đến vay tiền của bà Phùng Thị Lan A để xử lý công việc của công ty và đáo hạn nợ ngân hàng cho công ty, nên ngày 19-11-2020 ông gặp và được bà Phùng Thị Lan A cho vay và chuyển khoản cho ông 900.000.000 đồng, hai bên viết giấy vay nợ, sau khi nhận được tiền vay ông chuyển khoản ngay cho bà Đặng Thị H là Kế toán Trưởng của công ty P, theo 3 giấy chuyển tiền, mỗi lần chuyển 300.000.000 đồng, các giấy chuyển tiền ông đã cung cấp cho Tòa án. Còn bà Đặng Thị H và ông Tô Mạnh H xử lý số tiền vay thế nào ông không biết. Còn ông Tô Mạnh H vay bà Phùng Thị Lan A 1.400.000.000 đồng ngày 24-11-2020 thế nào ông không biết; chỉ đến ngày 13-01-2021 khi tất cả cổ đông công ty và bà Phùng Thị Lan A ký cam kết nhận nợ, thì ông mới biết ngoài khoản ông vay, thì ông Tô Mạnh H có vay của bà Phùng Thị Lan A 1.400.000.000 đồng, do bà Phùng Thị Lan A đòi nhiều lần, công ty mới chuyển trả được 400.000.000 đồng, còn gốc là 1.000.000.000 đồng, còn số tiền 40.000.000 đồng đã trả là trả lãi hay gốc ông không biết. Lúc ký cam kết chỉ biết các bên thống nhất cộng 2 khoản vay và xác nhận hiện còn nợ gốc tổng số tiền là 1.900.000.000 đồng, cam kết sau 15 ngày trả đủ cho bà Phùng Thị Lan A.

Về việc trả nợ vay và tiền lãi, đối với khoản vay của ông 900.000.000 đồng, do bà Phùng Thị Lan A đòi công ty nhiều lần không trả, đã gặp và gây khó khăn,

mất uy tín cho cá nhân ông. Nên ngày 18-12-2020 ông tự vay mượn để trả tiền mặt cho bà Phùng Thị Lan A 200.000.000 đồng, nhưng ngày 13-01-2021 khi ký cam kết nhận nợ ông chưa nói đã trả được số tiền này, vì sợ công ty lại chậm trễ thanh toán các khoản nợ, nên vẫn ghi còn nợ 2 khoản là 1.900.000.000 đồng. Còn khoản vay của ông Tô Mạnh H đã trả được cả gốc và lãi là 440.000.000 đồng hay thế nào ông không rõ. Nay ông đề nghị công ty P có trách nhiệm nhận trả khoản nợ ông vay của bà Phùng Thị Lan A là 900.000.000 đồng, vì mục đích vay để giải quyết công việc kinh doanh của công ty, không phải vay cá nhân. Ông đã trả gốc 200.000.000 đồng, tiền gốc công ty còn nợ là 700.000.000 đồng. Về số tiền 200.000.000 đồng ông đã trả là của cá nhân, ông sẽ tự giải quyết trong nội bộ công ty P. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Người làm chứng bà Đặng Thị H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 10-01-2022 trình bày: Từ năm 2017 cho đến tháng 02-2021 bà là kế toán trưởng Công ty P, hiện nay đã nghỉ làm tại Công ty P. Về các khoản vay nợ của bà Phùng Thị Lan A là đúng, bà có biết trong tháng 11-2020 ông Tô Mạnh H vay 1.400.000.000 đồng và bà Phùng Thị Lan A chuyển về tài khoản của công ty để xử lý việc kinh doanh của công ty; đối với khoản ông Lèo Đức Q vay, sau khi bà Phùng Thị Lan A chuyển khoản cho vay số tiền 900.000.000 đồng thì ông Lèo Đức Q đã chuyển tiếp số tiền này vào tài khoản của bà, để chi các khoản của Công ty, cụ thể chuyển 3 lần mỗi lần 300.000.000 đồng. Sau khi chuyển tiền cho bà thì ông Lèo Đức Q có nhắn tin lên nhóm Wechat tên "Mục tiêu tài chính" để thông báo cho mọi người biết về việc chuyển khoản số tiền 900.000.000 đồng đã vay của bà Phùng Thị Lan A. Nhóm Wechat này bao gồm các thành viên trong công ty là ông Tô Mạnh H, Nguyễn Hoài N, Hoàng Bạch T, Lèo Đức Q, bà Đào Thị T (vợ ông N) và bà Dương Thị H (vợ ông T), mục đích lập nhóm này là để thông tin về các khoản chi tiêu tài chính trong công ty cho các thành viên của công ty biết. Sau khi nhận số tiền này thì bà đã rút ra nhập quỹ tiền mặt để chi các khoản của công ty và các thành viên cổ đông của công ty đều đồng ý và biết. Nên 2 khoản vay của bà Phùng Thị Lan A là vay cho công ty P để chi tiêu công việc của công ty, không phải vay cho cá nhân ai.

Về việc trả nợ vay, bà có biết công ty P đã chuyển khoản từ tài khoản của công ty cho bà Phùng Thị Lan A tổng cộng là 440.000.000 đồng là đúng; còn ông Lèo Đức Q đã trả 200.000.000 đồng cho bà Phùng Thị Lan A cũng là đúng vì ông Lèo Đức Q bị bà Phùng Thị Lan A gọi điện thúc giục nhiều lần, nên ông Lèo Đức Q đã lấy trước tiền cá nhân, trả bằng tiền mặt tại công ty bà cũng có mặt và biết việc trả tiền.

Tại phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 23-12-2021, nguyên đơn xác định công ty P vay 2 khoản là 2.300.000.000 đồng; công ty đã chuyển khoản trả được gốc 400.000.000 đồng, ông Lèo Đức Q trả gốc bằng tiền mặt là 200.000.000 đồng; về tiền lãi đã trả là 40.000.000 đồng, nên yêu cầu công ty phải trả gốc là 1.700.000.000 đồng; về tiền lãi là 153.533.100 đồng. Công ty P có ý kiến và đề nghị: Đối với khoản vay

1.400.000.000 đồng, công ty đã trả gốc là 440.000.000 đồng, hiện nay còn nợ 960.000.000 đồng, công ty đồng ý trả cho bà Phùng Thị Lan A, tuy nhiên do điều kiện công ty hiện nay đang khó khăn nên đề nghị thanh toán thành 02 đợt, đợt 1 trả 480.000.000 đồng trước ngày 30-6-2022, đợt 2 trả 480.000.000 đồng còn lại trước ngày 30-12-2022. Đối với khoản vay 900.000.000 đồng, ông Lèo Đức Q đã trả được 200.000.000 đồng, nay còn 700.000.000 đồng, nếu ông Lèo Đức Q và bà Phùng Thị Lan A chứng minh được khoản vay 900.000.000 đồng chuyển vào tài khoản công ty và để phục vụ cho hoạt động của công ty thì sẽ cộng vào số tiền còn lại 960.000.000 đồng để công ty sẽ có trách nhiệm trả cho bà Phùng Thị Lan A. Về yêu cầu trả lãi, Công ty đề nghị bà Phùng Thị Lan A giảm 1/2 số tiền lãi theo đơn khởi kiện. Số tiền lãi cũng sẽ gộp vào số tiền gốc của 2 khoản vay còn lại và thanh toán thành 02 đợt, đợt 1 sẽ thanh toán trước ngày 30-6-2022, đợt 2 sẽ thanh toán trước ngày 30-12-2022; nhưng nguyên đơn không đồng ý, các bên đương sự đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phùng Thị Lan A xác định số tiền 40.000.000 đồng Công ty P đã thanh toán là trả tiền gốc, do vậy tổng số tiền gốc đã trả được là 640.000.000 đồng. Nay yêu cầu Công ty P phải thanh toán tiền nợ gốc còn lại là 1.660.000.000 đồng. Nguyên đơn rút yêu cầu đòi tiền lãi, không đề nghị Tòa án giải quyết về tiền lãi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm.

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, đã có bản tự khai, cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải đúng quy định; bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được tổng đạt hợp lệ 2 lần vẫn không có mặt, nên Hội đồng xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ, nên không có kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: Qua tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và làm rõ tại phiên tòa, có căn cứ xác định nguyên đơn cho Công ty cổ phần P vay 2.300.000.000 đồng. Trong đó khoản vay 1.400.000.000 đồng các bên thừa nhận đã trả gốc 440.000.000 đồng; còn khoản vay 900.000.000 đồng căn cứ việc chuyển khoản tiền vay và được bà Đặng Thị H là kế toán trưởng công ty xác nhận là vay để chi tiêu cho công ty và ông Lèo Đức Q đã tự trả được 200.000.000 đồng, nhưng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Căn cứ Giấy cam kết nhận nợ ngày 13-01-2021 các cổ đông công ty đều ký và thừa nhận, nên xác định là vay cho công ty, không phải vay cá nhân, nên buộc công ty phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn. Về số tiền nợ còn phải trả, xác định tổng tiền vay là 2.300.000.000 đồng, đã trả 640.000.000 đồng, nên công ty còn phải trả nợ gốc còn lại cho bà Phùng Thị Lan A là 1.660.000.000 đồng là có căn cứ. Về yêu cầu trả tiền lãi, do nguyên đơn rút yêu cầu nên đình chỉ xét xử.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463; 466; khoản 1, khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn công ty cổ phần P phải trả cho nguyên đơn nợ gốc là 1.660.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử yêu cầu về đòi tiền lãi, vì nguyên đơn rút yêu cầu; bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả theo quy định; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Các đương sự phát sinh tranh chấp từ giao dịch cho vay tiền cá nhân với mục đích sử dụng chi phí cho Công ty cổ phần P nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản, quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Về thẩm quyền, căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là pháp nhân có địa chỉ trụ sở tại thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Tô Mạnh H là Chủ tịch hội đồng quản trị công ty P đã ủy quyền cho ông Hoàng Bạch T là đại diện theo ủy quyền; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Bạch T, Lèo Đức Q và người làm chứng bà Đặng Thị H đều vắng mặt. Tuy nhiên đây là phiên tòa triệu tập lần thứ 2, các đương sự trên đều được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hoài N, bà Đào Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên là đúng quy định.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Lan A, căn cứ giấy vay nợ ngày 19-11-2020 thể hiện ông Lèo Đức Q, Phó tổng giám đốc Công ty P vay số tiền là 900.000.000 đồng, có ghi đại diện Công ty cổ phần P với mục đích vay cho công ty và đã được bà Phùng Thị Lan A chuyển số tiền 900.000.000 đồng, việc này bà Đặng Thị H là Kế toán trưởng công ty xác nhận, sau khi nhận được tiền ông Lèo Đức Q đã chuyển khoản cho bà để chi tiêu xử lý công việc của công ty và các cổ đông công ty đều biết. Đối với khoản vay của ông Tô Mạnh H số tiền 1.400.000.000 đồng thể hiện tại Giấy vay tiền ngày 24-11-2020, ghi mục đích vay để công ty đáo hạn ngân hàng, do các bên đều thừa nhận số tiền, mục đích vay, nên không phải chứng minh. Hơn nữa căn cứ Bản cam kết ngày 13-01-2021 giữa các cổ đông là ông Tô Mạnh H, Chủ tịch hội đồng quản trị và các ông Lèo Đức Q, Nguyễn Hoài N, Hoàng Bạch T là các Phó Tổng giám đốc công ty với bà Phùng Thị Lan A thể hiện nội dung Công ty cam kết tối đa trong vòng 15

ngày phải trả đủ bà Phùng Thị Lan A số tiền còn nợ gốc là 1.900.000.000 đồng. Do vậy, có căn xác định nguyên đơn bà Phùng Thị Lan A cho công ty vay tiền là đúng. Bị đơn cho rằng khoản vay 900.000.000 đồng của ông Lèo Đức Q là vay cá nhân là không có căn cứ, phía bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có căn cứ chứng minh. Căn cứ công văn số 165/ĐKKD ngày 30-11-2021 của Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn, xác định Công ty cổ phần P có mã số kinh doanh 4900782170, được cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 04-5-2015, đã cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 20-8-2019; có trụ sở chính tại Lô PG1-09 V Shophouse, số 2A, đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật là ông Tô Mạnh H, giữ chức danh Chủ tịch hội đồng quản trị. Tình trạng doanh nghiệp vẫn đang hoạt động, nên xác định công ty cổ phần P là bên vay nợ với tổng số tiền 2.300.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Về yêu cầu đòi số tiền nợ, có căn cứ xác định công ty P đã trả nợ gốc cho bà Phùng Thị Lan A là 440.000.000 đồng, ông Lèo Đức Q đã trả 200.000.000 đồng, tổng là 640.000.000 đồng; việc thanh toán này các đương sự đều thừa nhận. Do vậy, số tiền nợ gốc còn lại là 1.660.000.000 đồng, nguyên đơn khởi kiện là đúng, cần buộc Công ty P phải trả cho nguyên đơn là có căn cứ. Về số tiền 200.000.000 đồng ông Lèo Đức Q đã trả bà Phùng Thị Lan A, do ông Lèo Đức Q không yêu cầu, mà tự giải quyết nội bộ với Công ty P, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về yêu cầu trả tiền lãi, tại phiên tòa nguyên đơn xin rút yêu cầu đòi tiền lãi trên nợ gốc là 153.533.100 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu là tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn là đúng pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án, lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch ứng với số tiền 1.660.000.000 đồng phải trả cho nguyên đơn, cụ thể: Số tiền 800.000.000 đồng án phí phải chịu là 36.000.000.000 đồng, cộng với số tiền vượt quá 800.000.000 đồng là $860.000.000 \text{ đồng} \times 3\% = 25.800.000.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền án phí phải chịu là 61.800.000 đồng, để nộp ngân sách Nhà nước. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.803.000 đồng.

[7] Nguyên đơn; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Quan điểm nhận định và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463; 466; khoản 1, khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị Lan A về yêu cầu thanh toán nợ gốc đối với bị đơn Công ty cổ phần P, cụ thể:

1.1. Buộc bị đơn Công ty cổ phần P, người đại diện theo pháp luật ông Tô Mạnh H - Chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ thanh toán trả cho nguyên đơn bà Phùng Thị Lan A số tiền nợ gốc là 1.660.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm sáu mươi triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được trả tiền về số tiền phải trả, nếu bên phải trả tiền chưa trả được tiền, thì còn phải chịu tiền lãi ứng với số tiền, thời gian chậm trả, theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

1.3. Đình chỉ xét xử về yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền nợ, vì nguyên đơn bà Phùng Thị Lan A rút yêu cầu.

2. Về án phí:

2.1. Buộc bị đơn Công ty cổ phần P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 61.800.000 đồng (sáu mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

2.2. Nguyên đơn bà Phùng Thị Lan A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà Phùng Thị Lan A đã nộp là 33.803.000 đồng (ba mươi ba triệu tám trăm linh ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0000635 ngày 19-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKS nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKS ND thành phố Lạng Sơn;
- CC.THA DS thành phố Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ + Tổ HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Xuân Tĩnh